



huàn shàng

换上

verb phrase · change into

Example Sentences

tā huàn shàng yùn dòng xié qù pǎo bù。
他换上运动鞋去跑步。

He changed into sneakers to go running.

qǐng huàn shàng gān jìng de yī fu。
请换上干净的衣服。

Please change into clean clothes.

Trace each character, then write the word on your own.

换	换	换	换	换	换	换	换	换	换	换
换	换									

上	上	上	上	上	上					
